TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 713/2019/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 08 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Vânờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 596/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. **Anh Trần Đình Q,** sinh năm: 1983; địa chỉ: Tổ 21, khu vực 6, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. **Chị Phạm Thị Tính**, sinh năm: 1983; địa chỉ: Tổ 21, khu vực 6, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 10 năm 2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Trần Đình Q và chị Phạm Thị T đã thật sự trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Toà án đã tiến hành hoà giải đoàn tụ nhưng không thành.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Đình Q và chị Phạm Thị T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Q và chị T thoả thuận giao con Trần Hữu Đình P, sinh ngày 28/7/2005 và cháu Trần Đình Thiện N, sinh ngày 29/10/2008 cho anh Trần Đình Q trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung: Anh Q và chị T xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Q và chị T xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Q và chị T mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí, anh chị đã nộp đủ theo Biên lai số 008849 ngày 25/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND TP Huế;
- TAND Tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- Các đương sự;
- UBND xã Q, huyện Đ, TT Huế (ĐKKH số 08, ngày28/02/2005);
- Lưu dán;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Thái Thị Hồng Vân